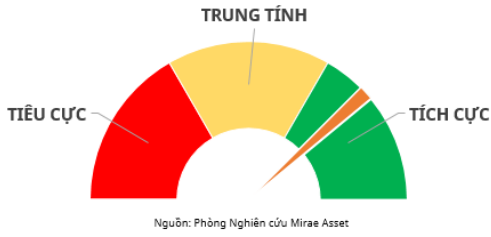


Thang đo sức mạnh thị trường



08 Tháng Mười 2021

Bản tin cuối ngày

Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraesasset.com.vn

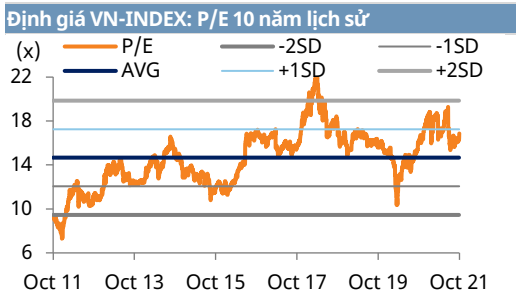
Tổng quan thị trường				
	Thị giá	1W (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,372.73	2.83	2.93	49.40
HNX	371.92	4.33	7.09	174.25
UPCOM	98.30	2.41	4.17	54.72
MSCI EM	1,253.28	0.54	-4.59	12.16
NIKKEI	28,048.94	-2.51	-7.06	18.61
HANG SENG	24,837.85	1.07	-5.63	2.66
KOSPI	2,956.30	-3.67	-6.53	23.59
FTSE	7,083.87	0.81	-0.16	18.50
S&P 500	4,399.76	2.14	-2.53	27.65
NASDAQ	14,654.02	1.42	-4.14	28.31

Định giá thị trường			
	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	16.86	2.70	16.23
SET INDEX	20.20	1.78	7.55
JCI INDEX	25.04	1.59	-1.53
PCOMP INDEX	23.15	1.69	7.53

Lãi suất tham chiếu				
	Thị giá	1W (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	0
5 năm	0.93	0	10	-25
10 năm	2.15	2	8	-35

Tỷ giá ngoại hối				
	Thị giá	1W (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	22,763	-0.04	-0.05	1.85
US\$/KRW	1,195	-0.56	-2.36	-3.47
US\$/JPY	112	-0.81	-1.53	-5.30
US\$/EUR	0.87	0.36	2.29	1.81
US\$/GBP	0.74	-0.42	1.25	-4.88
US\$/SGD	1.36	-0.10	-0.93	-0.01

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)			
	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	737	806	689
HNX	83	129	100
UPCOM	81	86	47



Nhận định thị trường

Bluechip giao dịch sôi động, VN-Index có tuần tăng mạnh nhất trong 2 tháng

Nhịp điều chỉnh kéo dài 2 tuần đã kết thúc, thay thế bằng diễn biến bất ngờ trong tuần này khi chỉ số VN-Index ghi nhận mức tăng 38,8 điểm (+2,8%) để chốt tuần tại 1.372,73. Với 5 phiên tăng liên tiếp, VN-Index đã chinh phục lần lượt các kháng cự “khó nhằn” trong hơn 1 tháng nay là 1.340, 1.350 và 1.360.

Nhóm bluechip với mức tăng phổ biến 3 – 5% trong tuần là động lực chính giúp VN-Index tăng điểm, trong đó GAS với mức tăng 8,6% đã giúp VN-Index tăng 4,5 điểm và dẫn đầu danh sách các mã tác động tích cực đến chỉ số. VHM, HPG, MSN, GVR, TCB, SAB, FPT với mức tăng 3 – 5% lần lượt là các cổ phiếu tiếp theo ảnh hưởng đến chỉ số. Nhóm này đã giúp VN-Index tăng 15 điểm.

Trong tuần khối ngoại bán ròng hơn 1.000 tỷ đồng trên cả 2 sàn. HPG là tâm điểm bán ròng của khối ngoại với giá trị 1.071 tỷ đồng, bỏ xa mã thứ 2 là CTG với giá trị bán ròng 251 tỷ đồng. Bên phía mua ròng, TPB cũng được mua ròng đột biến với giá trị 1.323 tỷ đồng thông qua giao dịch thỏa thuận.

Diễn biến tăng điểm của VN-Index đã tạo nên sự tích cực cho xu hướng ngắn hạn. Tuy nhiên diễn biến này đang phụ thuộc nhiều vào việc các bluechip luân phiên tăng điểm, trong khi phần lớn các cổ phiếu khác trong trạng thái giằng co. Tuần sau thị trường sẽ trống thông tin khi kết quả kinh doanh Q3 chưa đến hạn công bố, trong khi đó VN-Index sẽ kiểm định vùng đỉnh 1.375 – 1.379 được duy trì trong gần 3 tháng qua. Biến động của VN-Index trong tuần sau có thể vẫn sẽ chịu ảnh hưởng chính bởi các bluechip được chúng tôi nêu trên. Điểm số kỹ thuật ngắn hạn của Mirae Asset đang ở mức **+5 (KHẢ QUAN)**. P/E của VN-Index hiện đang ở mức 16,86.

Phạm Bình Phương, Analyst, 84-8-39102222, phuong.pb@miraesasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	5	KHẢ QUAN
VN30	5	KHẢ QUAN
VN30F1M	5	KHẢ QUAN
VN DIAMOND	1	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	0	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	-6	TIÊU CỰC
Kospi	-2	TRUNG TÍNH
Nikkei 225	-4	TIÊU CỰC
FTSE 100 (EU)	6	KHẢ QUAN
Dow Jones	2	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thị trường trái phiếu:

- Trong tuần, KBNN đã phát hành thành công 4.480 tỷ đồng, tương ứng 56% tổng lượng gọi thầu, tỷ lệ Chào mua/ Gọi thầu cải thiện lên mức 1,9 lần từ mức 1,6 lần của tuần trước. Kết quả chi tiết các kỳ hạn như sau: (1) Kỳ hạn 10 năm phát hành thành công 2.310/3.000 tỷ đồng tại mức lợi suất 2,13% (+1bps); (2) Kỳ hạn 15 năm phát hành thành công 1.160/ 2.000 tỷ đồng tại mức lợi suất 2,37% (+2bps); (3) Kỳ hạn 30 năm phát hành thành công 1.010/ 2.000 tỷ đồng tại mức lợi suất 2,98% (+0bps) và (4) Kỳ hạn 5 năm đã thất bại toàn bộ.
- Tuần sau vào ngày 13/10 KBNN sẽ tổ chức đấu thầu 7.500 tỷ đồng TPCP tại các kỳ hạn: (1) Kỳ hạn 5 năm có giá trị 1.000 tỷ đồng; (2) Kỳ hạn 7 năm có giá trị 1.000 tỷ đồng; (3) Kỳ hạn 10 năm có giá trị 2.500 tỷ đồng và (4) kỳ hạn 15 năm có giá trị 2.000 tỷ đồng và (5) Kỳ hạn 20 năm có giá trị 1.000 tỷ đồng.

Nguồn: Bộ phận phân tích Mirae Asset, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính.

Thị trường tiền tệ:

- **Lãi suất liên ngân hàng:** Trong tuần 29/09 – 06/10, lãi suất liên ngân hàng các kỳ hạn O/N, 1 tuần, 1 tháng đã lần lượt giảm về các mức 0,66% (-1bps), 0,77% (-7bps) và 1,24% (-6bps). Trong khi đó kỳ hạn 2 tuần và 3 tháng đã tăng nhẹ lên các mức 0,9% (+1bps) và 2,11% (+4bps). Kỳ hạn 6 tháng tăng mạnh nhất đến 99bps lên mức 2,79%.
- **Tỷ giá VND/USD tại ngày 08/10/21 của NHNN** đã tăng 0,022% so với cuối tuần trước, lên mức 23.165 VND/USD. Tỷ giá NHTM tiếp tục giữ nguyên mức 22.630 – 22.860 VND/USD. Trong khi đó, tỷ giá tự do đã tăng 0,173% ở cả 2 chiều mua và bán lên mức 23.170 – 23.220 VND/USD.

Nguồn: Bộ phận phân tích Mirae Asset, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Vietcombank

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	5	KHẢ QUAN
VN30	5	KHẢ QUAN
VN30F1M	5	KHẢ QUAN
VN DIAMOND	1	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	0	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Giá trị	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (10/09/2021)	1,372.73	Kháng cự 1	1.380
Xu hướng ngắn hạn (1 – 4 tuần)	Tăng	Kháng cự 2	1.420
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 1	1.315
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 2	1.300

Diễn biến tăng điểm của VN-Index đã tạo nên sự tích cực cho xu hướng ngắn hạn. Tuy nhiên diễn biến này đang phụ thuộc nhiều vào việc các bluechip luân phiên tăng điểm, trong khi phần lớn các cổ phiếu khác trong trạng thái giằng co. Trong tuần sau, VN-Index sẽ kiểm định ngưỡng kháng cự quan trọng là vùng 1.375 – 1.380, đây sẽ là thử thách lớn cho xu hướng VN-Index. Điểm số kỹ thuật ngắn hạn của Mirae Asset đang ở mức **+5 (KHẢ QUAN)**.

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Fireant

Nhận định phái sinh

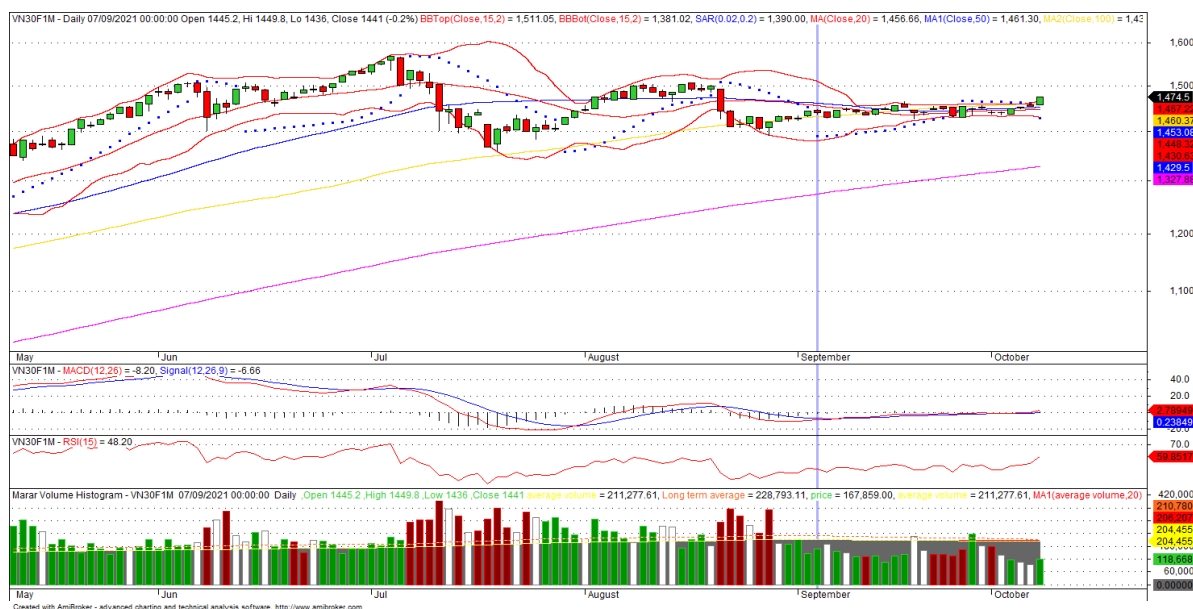
Chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (08/10/2021)	1,474.5	Kháng cự 1 1.500
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	KHẢ QUAN	Kháng cự 2 1.520
VN30 - đóng cửa	1.476	Hỗ trợ 1 1.480
Chênh lệch VN30F1M & VN30	-2.04	Hỗ trợ 2 1.450

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	6	KHẢ QUAN
VN30F1M (chart 60 phút)	4	KHẢ QUAN
VN30F1M (chart ngày)	5	KHẢ QUAN

VN30F1M đã vượt ngưỡng kháng cự mạnh ở 1,460 điểm, tạo xu hướng tăng trong ngắn hạn. nhà đầu tư có thể xem xét mở vị thế MUA (Long) với chiến lược như sau:

Chiến lược 1 (Short)	Điểm số	Chiến lược 2 (Long)	Điểm số
+ Short	n/a	+ Long	1,460
+ Stop loss (Cắt lỗ)	n/a	+ Stop loss (Cắt lỗ)	1,450
+ Take profit (Chốt lời)	n/a	+ Take profit (Chốt lời)	1,500

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (đồ thị ngày)



Nguồn: Fdata

TOP CỔ PHIẾU ĐẠT TIÊU CHÍ SỨC MẠNH GIÁ - MIRAE ASSET

Mã	Ngành	Giá đóng cửa	KLTB 20 ngày	Điểm sức mạnh giá (*)	Điểm kỹ thuật ngắn hạn	Sức mạnh ngành (**)
DHC	Sản xuất giấy	95,200	711,490	100	7	Top sức mạnh ngành
TNG	Dệt may	31,200	3,130,555	99	6	
HDG	Bất động sản	61,500	1,762,390	98	7	
HDC	Bất động sản	85,000	764,545	97	2	
GAS	Dầu khí	112,400	1,839,500	97	6	
DIG	Bất động sản	33,600	7,642,815	95	7	
SHB	Ngân hàng	28,200	15,760,430	94	7	
VHC	Thủy sản	57,200	2,030,235	93	7	
FTS	Chứng khoán	62,000	792,720	91	1	
LHG	Khu công nghiệp	53,400	396,105	90	4	Top sức mạnh ngành

(*) Điểm sức mạnh giá được Mirae Asset Research tính toán dựa trên các tiêu chí: 1) tăng trưởng giá cổ phiếu trong 1 & 4 & 12 tuần; 2) khối lượng giao dịch được cải thiện tích cực; 3) điểm kỹ thuật ngắn hạn từ 4 điểm trở lên.

(**) Mirae Asset tính toán 1-5 nhóm ngành lọt top sức mạnh ngành dựa trên các tiêu chí: 1) Điểm kỹ thuật ngắn hạn trung bình ngành phải từ 0 điểm (TRUNG TÍNH) đến 7 điểm (TÍCH CỰC); 2) điểm sức mạnh giá trung bình ngành nằm trong top 5 ngành tốt nhất.

Nhóm cổ phiếu nằm trong top sức mạnh giá kỳ vọng sẽ có diễn biến giá tích cực hơn VN-Index trong ít nhất 1 đến 2 tuần tới.

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã (đơn vị)	Đóng cửa (kvnd)	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa (tỷ đồng)	P/E (lần)	P/BV (lần)	GTGD (tỷ đồng)
DHC	95.2	711,490	7	KHẢ QUAN	6,663	12.9	4.2	68
DIG	33.6	7,642,815	7	KHẢ QUAN	14,276	18.4	2.9	257
DLG	5.79	17,716,500	7	KHẢ QUAN	1,733	#N/A N/A	0.8	103
DPG	59.4	1,181,015	7	KHẢ QUAN	3,742	12.1	3.2	70
DRH	18.9	3,351,160	7	KHẢ QUAN	1,141	50.4	1.4	63
FPT	98.9	2,118,555	7	KHẢ QUAN	89,749	23.4	5.3	210
HDG	61.5	1,762,390	7	KHẢ QUAN	10,063	14.4	2.9	108
KDH	43.55	2,762,350	7	KHẢ QUAN	28,000	22.2	3.1	120
NLG	44	2,033,520	7	KHẢ QUAN	15,192	11.2	1.9	89
ORS	29.8	2,735,810	7	KHẢ QUAN	5,960	28.3	4.7	82
PDR	86.8	3,598,040	7	KHẢ QUAN	42,349	30.0	7.6	312
PNJ	99.5	578,220	7	KHẢ QUAN	22,623	17.1	4.0	58
SHB	28.2	15,760,430	7	KHẢ QUAN	55,648	14.9	2.1	444
VHC	57.2	2,030,235	7	KHẢ QUAN	10,407	14.2	1.9	116
VIC	89.3	3,196,990	7	KHẢ QUAN	339,806	50.6	3.7	285
BCG	20.4	4,582,820	6	KHẢ QUAN	6,070	6.5	1.6	93
CII	18.95	3,103,500	6	KHẢ QUAN	4,527	149.4	1.0	59
DXG	20.8	4,276,170	6	KHẢ QUAN	12,397	15.1	1.5	89
FCN	15.35	4,463,150	6	KHẢ QUAN	1,925	13.7	0.9	69
GAS	112.4	1,839,500	6	KHẢ QUAN	215,128	27.6	4.6	207
GVR	37.65	3,705,885	6	KHẢ QUAN	150,600	31.9	3.1	140
HT1	25	4,370,500	6	KHẢ QUAN	9,539	15.1	1.7	109
KBC	45.6	11,909,660	6	KHẢ QUAN	25,981	25.2	2.1	543
NKG	48.25	7,984,860	6	KHẢ QUAN	10,538	7.1	2.3	385
NTL	36	1,668,065	6	KHẢ QUAN	2,196	7.2	1.9	60
NVL	104.5	2,092,660	6	KHẢ QUAN	153,992	29.1	4.6	219

PET	29.05	2,734,875	6	KHẢ QUAN	2,610	13.7	1.6	79
PVT	24.55	6,337,355	6	KHẢ QUAN	7,946	9.9	1.6	156
SZC	51.8	1,182,925	6	KHẢ QUAN	5,180	20.7	3.9	61
TNG	31.2	3,130,555	6	KHẢ QUAN	2,680	15.2	2.2	98
TLH	22.9	3,452,970	5	KHẢ QUAN	2,305	5.8	1.3	79
APS	23.9	2,835,450	4	KHẢ QUAN	1,474	11.3	2.3	68
BSR	21.2	14,137,525	4	KHẢ QUAN	65,731	#N/A N/A	2.1	300
BVH	61.2	1,694,085	4	KHẢ QUAN	45,430	24.3	2.2	104
CEO	10.8	5,518,840	4	KHẢ QUAN	2,779	#N/A N/A	1.0	60
CTR	85.9	788,220	4	KHẢ QUAN	7,982	28.6	7.5	68
DCM	28.25	4,900,645	4	KHẢ QUAN	14,956	24.2	2.2	138
DPM	37.4	6,294,855	4	KHẢ QUAN	14,636	12.9	1.7	235
DRC	33.3	1,701,255	4	KHẢ QUAN	3,956	11.6	2.3	57
FLC	11.4	16,544,125	4	KHẢ QUAN	8,094	4.5	0.8	189
FRT	48	2,138,255	4	KHẢ QUAN	3,791	56.9	3.0	103
GEX	24	5,548,065	4	KHẢ QUAN	18,749	13.8	1.9	133
HBC	16.35	6,780,000	4	KHẢ QUAN	3,964	28.3	1.1	111
HPG	55.7	26,292,190	4	KHẢ QUAN	249,142	9.9	3.4	1,464
IDC	54.7	3,511,170	4	KHẢ QUAN	16,410	32.3	4.3	192
IJC	28.6	6,720,285	4	KHẢ QUAN	6,209	8.1	1.9	192
KSB	36	2,465,915	4	KHẢ QUAN	2,639	10.6	1.6	89
LCG	19.2	7,073,020	4	KHẢ QUAN	2,213	6.1	1.2	136
PLX	53.9	1,440,085	4	KHẢ QUAN	68,485	16.8	2.7	78
REE	70.5	1,008,840	4	KHẢ QUAN	21,788	12.1	1.8	71
ROS	5.53	12,924,740	4	KHẢ QUAN	3,139	17.1	0.5	71
VHM	79.9	6,084,320	4	KHẢ QUAN	347,914	10.4	3.6	486
MSN	145.5	1,225,275	3	TRUNG TÍNH	171,768	81.4	8.0	178
QNS	53	1,101,300	3	TRUNG TÍNH	18,918	15.3	2.4	58
TCB	50.7	7,138,475	3	TRUNG TÍNH	178,003	11.0	2.1	362
AAA	16.2	5,241,300	2	TRUNG TÍNH	5,288	13.0	1.1	85
ASM	15.95	3,983,375	2	TRUNG TÍNH	4,129	10.1	0.9	64
HDC	85	764,545	2	TRUNG TÍNH	7,350	24.0	5.6	65
HQC	3.8	15,973,680	2	TRUNG TÍNH	1,811	418.0	0.4	61
MBB	27.7	11,267,715	2	TRUNG TÍNH	104,660	10.0	2.0	312
PC1	39	2,061,735	2	TRUNG TÍNH	7,456	11.3	1.7	80
POW	12.45	14,150,045	2	TRUNG TÍNH	29,156	11.5	1.0	176
PVD	23.6	9,930,405	2	TRUNG TÍNH	9,939	1,072.2	0.7	234
SSI	40.85	8,103,865	2	TRUNG TÍNH	40,146	21.9	3.6	331
STB	25.7	12,829,920	2	TRUNG TÍNH	48,450	13.4	1.5	330
VGT	20.9	6,438,355	2	TRUNG TÍNH	10,450	36.7	1.7	135
VJC	128.9	841,735	2	TRUNG TÍNH	69,814	462.7	4.1	108
VRE	29.15	5,389,060	2	TRUNG TÍNH	66,238	24.4	2.2	157
GMD	51.2	2,857,605	1	TRUNG TÍNH	15,431	37.7	2.5	146
HAH	70	1,968,160	1	TRUNG TÍNH	3,317	15.8	2.9	138
ACB	31.45	4,293,755	0	TRUNG TÍNH	84,976	8.8	2.1	135
HNG	7.45	7,433,570	0	TRUNG TÍNH	8,259	#N/A N/A	1.0	55
ITA	7.5	13,743,275	0	TRUNG TÍNH	7,037	39.7	0.7	103
MWG	128.8	1,469,160	0	TRUNG TÍNH	91,822	20.0	5.0	189

PVS	28.4	11,813,195	0	TRUNG TÍNH	13,574	25.0	1.1	335
SBT	21.3	4,492,290	0	TRUNG TÍNH	13,401	20.4	1.7	96
SCR	12.7	13,871,710	0	TRUNG TÍNH	4,653	15.9	1.0	176
SHS	37.4	4,081,470	0	TRUNG TÍNH	10,740	10.1	2.5	153
VCB	97	833,870	0	TRUNG TÍNH	359,761	17.5	3.4	81
CTG	29.45	8,539,060	-2	TRUNG TÍNH	141,529	8.6	1.5	251
DGW	115.9	589,825	-2	TRUNG TÍNH	10,246	25.2	7.4	68
FIT	11.9	11,162,595	-2	TRUNG TÍNH	3,031	21.9	1.0	133
HHV	20.4	5,233,185	-2	TRUNG TÍNH	5,455	35.0	0.9	107
HSG	47.65	12,078,680	-2	TRUNG TÍNH	23,514	6.2	2.4	576
KDC	57.9	1,821,115	-2	TRUNG TÍNH	13,245	25.8	2.3	105
LPB	21	4,626,890	-2	TRUNG TÍNH	25,275	9.5	1.6	97
TPB	42.15	8,181,735	-2	TRUNG TÍNH	49,386	10.0	2.2	345
VCI	61.5	4,227,775	-2	TRUNG TÍNH	20,480	17.7	3.9	260
VND	51.3	6,116,050	-2	TRUNG TÍNH	22,009	11.9	3.6	314
VOS	22.6	3,483,575	-2	TRUNG TÍNH	3,164	20.7	4.3	79
VPB	35.9	7,987,500	-2	TRUNG TÍNH	159,593	12.8	2.6	287
DBC	58.6	2,305,275	-4	TIÊU CỰC	6,753	5.5	1.4	135
DGC	150.6	1,310,020	-4	TIÊU CỰC	25,765	25.7	5.8	197
VNM	89.6	3,605,695	-4	TIÊU CỰC	187,260	19.6	5.9	323
CSV	51.1	1,102,435	-6	TIÊU CỰC	2,259	12.9	2.1	56
DDV	26.3	3,286,535	-6	TIÊU CỰC	3,843	134.9	3.0	86
HCM	48.7	4,826,900	-6	TIÊU CỰC	14,856	16.8	3.1	235
TDH	10.85	5,235,315	-6	TIÊU CỰC	1,222	#N/A N/A	0.8	57
BII	13.2	4,432,075	-7	TIÊU CỰC	761	8.9	1.3	59
TCH	17.05	10,672,795	-7	TIÊU CỰC	10,549	8.2	1.2	182

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

Quốc hội Mỹ đạt thỏa thuận tránh nguy cơ vỡ nợ trong 2 tuần tới

Ngày 7/10, các lãnh đạo lưỡng đảng Dân chủ và Cộng hòa tại Thượng viện Mỹ đã đạt thỏa thuận nhằm ngăn chặn kịch bản chính phủ vỡ nợ trong 2 tuần tới.

Lãnh đạo phe đa số tại Thượng viện, ông Chuck Schumer thông báo: "Chúng tôi đã đạt thỏa thuận nhằm gia hạn mức trần nợ công đến đầu tháng 12, tránh nguy cơ vỡ nợ vào cuối tháng này".

Ông bày tỏ hy vọng Thượng viện sẽ bỏ phiếu thông qua ngay trong cùng ngày.

Thỏa thuận trên cho phép tăng trần nợ thêm 480 tỷ USD trên mức trần nợ công hiện nay là 28.400 tỷ USD. Sau đó, quốc hội sẽ có vài tuần để tìm kiếm thỏa thuận về việc sẽ tăng trần nợ công dài hạn hay đưa ra một biện pháp khác.

Cước vận tải biển Baltic cao kỷ lục 13 năm, vượt ngưỡng 10.000 điểm

Chỉ số cước vận tải biển tổng thể, tính giá thuê các tàu cỡ lớn - capesize, tàu panamax, supramax và tàu handysize, đã tăng 238 điểm, tương đương 4,4%, lên 5.647 trong ngày 6/10, mức cao nhất kể từ tháng 9/2008.

Mức tăng trên chủ yếu do cước thuê tàu capesizer tăng vọt, thêm 723 điểm, tương đương 7,4%, lên 10.475, mức cao nhất trong vòng hơn 13 năm.

Covid -19 đẩy tỷ lệ nợ xấu lên 7,21% đến cuối tháng 6

Ngân hàng Nhà nước vừa có báo cáo Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết 124/2020/QH14 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021, nhiệm vụ, giải pháp năm 2022 của ngành ngân hàng gửi Ủy ban Kinh tế của Quốc hội. Báo cáo nêu rõ, đến cuối tháng 6, nếu tính cả nợ cơ cấu, nợ xấu đã lên tới 7,21%.

Theo trên, tính đến cuối tháng 6, tỷ lệ nợ xấu nội bảng, nợ bán cho VAMC chưa xử lý và các khoản tiềm ẩn trở thành nợ xấu là 3,66%. Nếu tính cả các khoản nợ không bị chuyển nợ xấu do được cơ cấu lại, miễn, giảm lãi theo Thông tư 01/2020/TT-NHNN do ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19 thì tỷ lệ này là 7,21% trong khi cuối năm 2020 là 5,08%.

Xét riêng tại nợ xấu nội bảng, do tác động của dịch bệnh Covid-19, nợ xấu của các tổ chức tín dụng có xu hướng tăng trong những tháng đầu năm. Đến cuối tháng 6, tỷ lệ nợ xấu nội bảng là 1,73% (cuối năm 2020 là 1,69%).

Trong 6 tháng đầu năm, tổng số nợ xấu nội bảng được xử lý là 78.8600 tỷ đồng. Trong đó, sử dụng dự phòng rủi ro là 33.130 tỷ đồng, chiếm 42%; thông qua bán nợ là 18.660 tỷ đồng, chiếm 23,7%; khách hàng trả nợ là 20.550 tỷ đồng, chiếm 26,11%.

Về xử lý nợ xấu được xác định theo Nghị quyết 42, lũy kế từ 15/8/2017 đến 30/6/2021, đã xử lý được 359.410 tỷ đồng. Trong đó, xử lý nợ xấu nội bảng (không bao gồm xử lý bằng sử dụng dự phòng rủi ro và bán nợ cho VAMC thông qua phát hành trái phiếu đặc biệt) là 187.180 tỷ đồng, chiếm 52,08% tổng nợ xấu đã xử lý.

Xử lý các khoản nợ đang hạch toán ngoài bảng cân đối kế toán xác định theo Nghị quyết 42 là 93.630 tỷ đồng (chiếm 26,05%). Xử lý các khoản nợ xấu xác định theo Nghị quyết 42 đã bán cho VAMC được thanh toán bằng trái phiếu đặc biệt là 78.600 tỷ đồng (chiếm 21,87%).

Đến thời điểm 30/6, các tổ chức tín dụng đã sử dụng 179.570 tỷ đồng dự phòng rủi ro để xử lý nợ xấu nội bảng và bán nợ xấu cho VAMC thông qua phát hành trái phiếu đặc biệt đạt 35.930 tỷ đồng.

Bất chấp Covid-19, doanh thu phí bảo hiểm vượt 150.000 tỷ đồng

Thông tin từ Bộ Tài chính, trong 9 tháng đầu năm 2021, tổng tài sản của các doanh nghiệp bảo hiểm ước đạt 650.165 tỷ đồng, tăng 20,62% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ ước đạt 102.222 tỷ đồng, các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ ước đạt 547.943 tỷ đồng.

Nguồn vốn đầu tư trở lại nền kinh tế ước đạt 535.867 tỷ đồng, tăng 23,37% so với cùng kỳ, trong đó các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ ước đạt 54.172 tỷ đồng; các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ ước đạt 481.695 tỷ đồng.

Tổng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm ước đạt 423.821 tỷ đồng, tăng 22,45% so với cùng kỳ, trong đó các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ ước đạt 27.806 tỷ đồng, các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ ước đạt 396.015 tỷ đồng.

Tổng nguồn vốn chủ sở hữu ước đạt 152.755 tỷ đồng, tăng 37,39% so với cùng kỳ, trong đó, các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ ước đạt 34.442 tỷ đồng, các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ ước đạt 118.313 tỷ đồng.

Tổng doanh thu phí bảo hiểm ước đạt 151.993 tỷ đồng, tăng 15,38% so với cùng kỳ năm 2020. Doanh thu phí bảo hiểm lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ ước đạt 43.890 tỷ đồng, lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ ước đạt 108.103 tỷ đồng.

Đề xuất nới trần nợ công để tăng quy mô gói hỗ trợ phục hồi kinh tế

Tại buổi làm việc giữa Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ với VCCI và doanh nhân, doanh nghiệp diễn ra chiều nay (7/10), thay mặt cộng đồng doanh nghiệp, doanh nhân, Chủ tịch VCCI Phạm Tấn Công đã có nhiều kiến nghị, giúp doanh nghiệp thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch bệnh", nhanh chóng khôi phục sản xuất.

Trong đó, Chủ tịch VCCI kiến nghị xem xét nâng trần nợ công quốc gia để tăng quy mô các gói hỗ trợ ứng phó dịch Covid-19. Hiện các gói hỗ trợ của Nhà nước mới đạt khoảng 2,2% GDP là mức khá thấp so với các nước trong khu vực như Thái Lan (15,6%), Malaysia (8,8%), Indonesia (5,4%), Philippines (3,6%).

Các gói hỗ trợ duy trì và phục hồi kinh tế cần đủ lớn và kịp thời để nắm bắt được thời cơ phục hồi. Mặt khác, tổng nợ công/GDP của Việt Nam hiện đang ở mức thấp, vì vậy việc xem xét nâng trần nợ công quốc gia là giải pháp hợp lý, tạo nguồn ngân sách để phục vụ mục tiêu tăng trưởng, khôi phục kinh tế, mở rộng quy mô các gói hỗ trợ cho doanh nghiệp.

"Với GDP ước tính năm 2020 của Việt Nam là gần 6,3 triệu tỷ đồng, các gói hỗ trợ có thể mở rộng đến 4% GDP, tương đương 250.000 tỷ đồng", ông Công nói.

Tiêu thụ điện giảm mạnh trong quý III

Theo Trung tâm Điều độ Hệ thống điện quốc gia (A0), do ảnh hưởng của dịch Covid-19 ở nhiều tỉnh, thành phố, tình hình tiêu thụ điện toàn quốc và miền Nam quý III/2021 đều giảm mạnh so với quý II cũng như cùng kỳ quý III năm 2020.

So sánh sản lượng tiêu thụ điện trung bình ngày trên quy mô toàn quốc, mức tiêu thụ điện của quý III năm nay giảm 10,53% so với quý II/2021 và giảm 4,14% so với cùng kỳ quý III năm 2020. Nếu so sánh sản lượng tiêu thụ điện trung bình ngày của riêng khu vực miền Nam thì mức tiêu thụ điện quý III/2021 giảm 23,41% so với quý II/2021 và giảm 13,59% so với cùng kỳ quý III năm 2020.

Hải An tăng giá cước vận tải

Công ty Vận tải và Xếp dỡ Hải An (HoSE: HAH) công bố bảng giá cước vận tải mới, có hiệu lực từ ngày 13/10. Đây là lần điều chỉnh giá thứ 2 trong vòng 1 tháng. Theo tính

toán giá cước tăng 36% so với quý III và tăng trung bình 46% so với đầu năm, mức này thấp hơn nhiều so với tăng giá cước vận tải quốc tế.

Ngoài ra, kể từ quý IV, số lượng tàu cho thuê sẽ tăng từ 2 lên 3 tàu, trong khi số lượng tàu tự vận hành giảm từ 6 xuống 5 tàu, giúp giảm được rủi ro liên quan giá dầu nhiên liệu tăng. Sự thay đổi trong cơ cấu đội tàu này cũng giúp cải thiện biên lợi nhuận do các tàu cho thuê hoạt động hiệu quả hơn. Trong đợt cơ cấu này, doanh nghiệp đã ngừng một trong hai tuyến quốc tế (tuyến TP HCM - Singapore) và tiếp tục duy trì ổn định 4 tàu chạy nội địa, điều này giúp giữ vững vị thế dẫn đầu thị trường nội địa.

Nửa đầu năm, Hải An báo cáo doanh thu tăng 49% lên 808 tỷ đồng, lãi sau thuế cổ đông công ty mẹ gấp 2,2 lần lên 149 tỷ đồng. Nguyên nhân là nhờ đầu tư thêm 3 tàu mới giúp sản lượng đội tàu tăng 60% so với cùng kỳ năm trước. Điều này kéo theo sản lượng hàng qua cảng và depot cũng tăng. Đồng thời, giá cước vận tải biển, giá cho thuê tàu cùng tăng thúc đẩy lợi nhuận.

Hàng loạt doanh nghiệp triển khai kế hoạch phát hành, cổ phiếu tăng giá mạnh

Nhiều doanh nghiệp như Licogi 16, Bất động sản An Gia, Damsan, Xây dựng Phục Hưng Holdings cùng công bố nhận được giấy chứng nhận phát hành cổ phiếu do UBCKNN cấp và bắt đầu triển khai phương án tăng vốn. Trong đó, Licogi 16 (HoSE: LCG) và Bất động sản An Gia (HoSE: AGG) sẽ vừa chào bán cho cổ đông hiện hữu vừa chia cổ tức.

Cụ thể, Licogi 16 nhận được giấy chứng nhận phát hành hơn 59,2 triệu cổ phiếu ra công chúng, tỷ lệ phân phối 50,5%. Trong đó, 50 triệu cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu (tỷ lệ 42,5%) và 9,2 triệu trả cổ tức (tỷ lệ 8%). Thời gian phân phối trong vòng 90 ngày kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký chào bán có hiệu lực. Với phương án chào bán cho cổ đông hiện hữu, cổ phiếu không bị hạn chế chuyển nhượng, giá chào bán 10.000 đồng/cp.

Công ty Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia chào bán 82,7 triệu cổ phiếu, tỷ lệ 1:1 và phát hành 8,27 triệu cổ phiếu trả cổ tức, tỷ lệ 10%. Vốn điều lệ sẽ tăng từ 827,5 tỷ đồng lên 1.737 tỷ đồng. Giá chào bán 10.000 đồng/cp, BĐS An Gia dự thu về 827 tỷ đồng.

Dệt may Damsan (HoSE: ADS) phát hành 10 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu giá 10.000 đồng/cp. Xây dựng Phục Hưng Holdings (HoSE: PHC) muốn bán 22,87 triệu cổ phiếu ra công chúng gồm 12,9 triệu đơn vị phân phối cho cổ đông hiện hữu và 10 triệu đơn vị thông qua đấu giá. Cổ phiếu bán cho cổ đông có giá 10.000 đồng/cp và cổ phiếu đấu giá công khai là 12.000 đồng/cp.

BIDV kiến nghị Chính phủ sớm thông qua phương án tăng vốn

Tại buổi làm việc Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ với Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), gặp gỡ đại diện giới doanh nhân Việt Nam vào chiều ngày 7/10, theo Diễn đàn doanh nghiệp, Ông Lê Ngọc Lâm, Tổng giám đốc BIDV đã có kiến nghị Quốc hội, Chính phủ xem xét tăng vốn điều lệ cho BIDV và các tổ chức tín dụng (TCTD) Nhà nước, qua phương án trả cổ tức bằng cổ phiếu nhằm nâng cao năng lực tài chính cho các TCTD.

Ông Lê Ngọc Lâm cho biết trong bối cảnh dịch Covid-19, ngân hàng cũng gặp nhiều khó khăn trong hoạt động, nhất là những nơi thực hiện giãn cách xã hội. Cùng với việc thích ứng với điều kiện mới, ngân hàng cũng đã triển khai nhiều giải pháp tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch bệnh. BIDV đã cơ cấu nợ cho 7.379 khách hàng, tổng dư nợ cơ cấu 77.900 tỷ đồng. Đồng thời giảm lãi suất cho vay, kể cả nhu cầu vay mới và dư nợ hiện hữu.

Theo cam kết thực hiện giảm lãi (trong khuôn khổ cam kết của 16 tổ chức tín dụng với Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam), BIDV dự kiến năm 2021 sẽ dành 7.100 tỷ đồng thu nhập để giảm lãi suất, phí dịch vụ hỗ trợ khách hàng.

Năm 2021, ngân hàng được cổ đông thông qua tăng vốn điều lệ thêm 8.304 tỷ đồng lên 48.524 tỷ, tương đương tăng 20,6%. Ngân hàng sẽ phát hành 207,3 triệu cổ phiếu để trả cổ tức năm 2019 (tỷ lệ 5,2%) và 281,5 triệu cổ phiếu để trả cổ tức năm 2020, tỷ lệ 7%. Bên cạnh đó, ngân hàng dự kiến chào bán ra công chúng hoặc riêng lẻ thêm 341,5 triệu cổ phiếu.

DIC Corp (DIG) hoàn tất chào bán 75 triệu cổ phiếu giá 20.000 đồng/cp, riêng Đầu tư Phát triển Thiên Tân mua hơn 50% tỷ trọng

Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hoà (SBT) dự kiến tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên niên độ 2020 - 2021 theo hình thức trực tuyến vào sáng ngày 20/10 sắp tới.

Trong niên độ vừa qua, tổng sản lượng tiêu thụ của SBT tiếp tục vượt mốc 1 triệu tấn, tăng trưởng 10% so với cùng kỳ. Giá bán trong nửa cuối năm tài chính được cải thiện đáng kể nhờ chính sách thuế phòng vệ được áp dụng.

Doanh thu thuần của SBT đạt 14.925 tỷ đồng, vượt 4% kế hoạch và tăng trưởng 16% so với cùng kỳ. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất 784 tỷ đồng, vượt 18% kế hoạch và tăng 53%.

Ban điều hành cho biết, trong niên độ 2020 - 2021, công ty đã đẩy mạnh đa dạng hoá, tung ra hàng loạt sản phẩm đường và cạnh đường như: đường đen, nước màu, syrup mía, nước mía đóng lon Míaaha... Riêng với mảng B2C, SBT thâm nhập và phát triển thương hiệu Cô Ba, đánh vào phân khúc đường không nhãn mác được thị trường đón nhận tích cực.

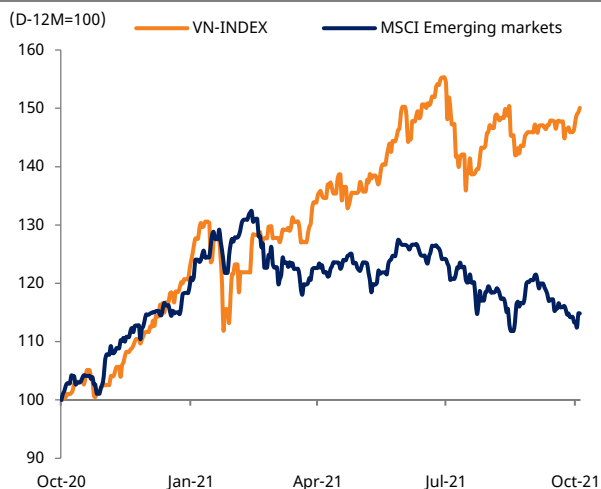
Tổng CTCP Đầu tư Phát triển Xây dựng (DIC Corp, DIG) vừa hoàn tất phát hành riêng lẻ 75 triệu cổ phiếu với giá 20.000 đồng/cp, huy động 1.500 tỷ đồng đầu tư vào Dự án Khu đô thị mới Bắc Vũng Tàu.

Kết quả, 4 cá nhân tham gia mua bao gồm ông Nguyễn Thiện Tuấn - Chủ tịch HĐQT, ông Nguyễn Hùng Cường - Phó chủ tịch HĐQT và ông Cao Văn Vũ cùng mua vào 10 triệu cổ phiếu; bà Nguyễn thị Thanh Huyền - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc mua 5 triệu cổ phiếu.

Cùng với đó, 2 tổ chức cùng tham gia có Chứng khoán Liên Việt mua 2 triệu cổ phiếu và Đầu tư Phát triển Thiên Tân mua 38 triệu cổ phiếu, chiếm 50,7% tổng lượng cổ phiếu phát hành.

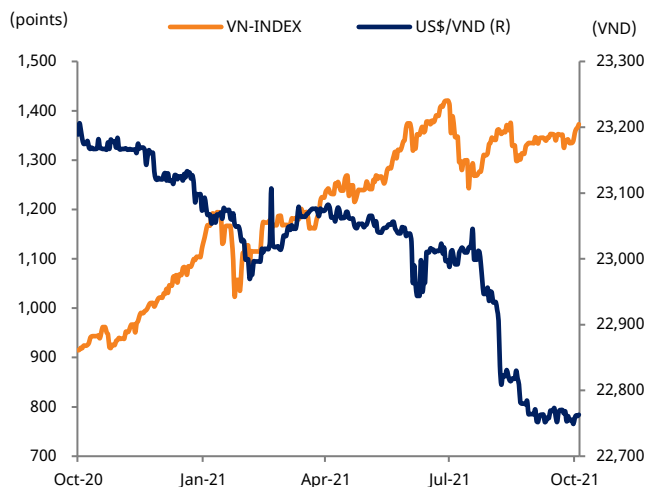
Trước đó, Đầu tư Phát triển Thiên Tân liên tục bán ra cổ phiếu DIG để giảm sở hữu. Cụ thể, ngày 10/8 bán ra 5,52 triệu cổ phiếu; ngày 12/8 bán ra 6,21 triệu cổ phiếu; ngày 27/8 bán ra 2,48 triệu cổ phiếu; ngày 31/8 bán ra 3 triệu cổ phiếu; và ngày 29/9 bán ra hơn 2 triệu cổ phiếu DIG. Như vậy, sau các giao dịch bán liên tục, Thiên Tân chỉ còn sở hữu 13,6% vốn điều lệ tại DIG.

Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets



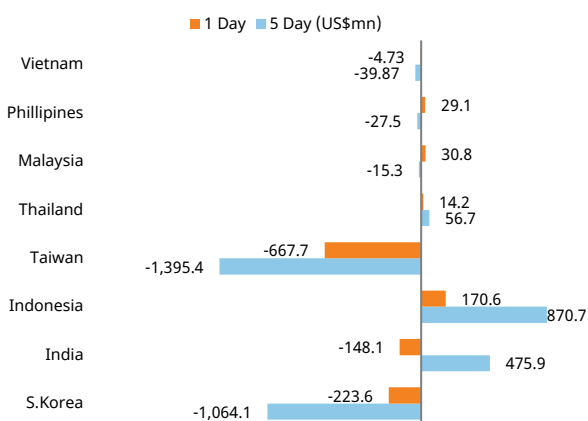
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND



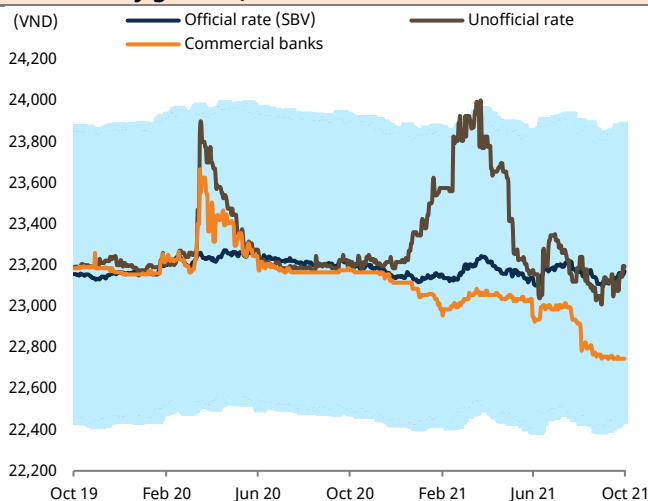
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài



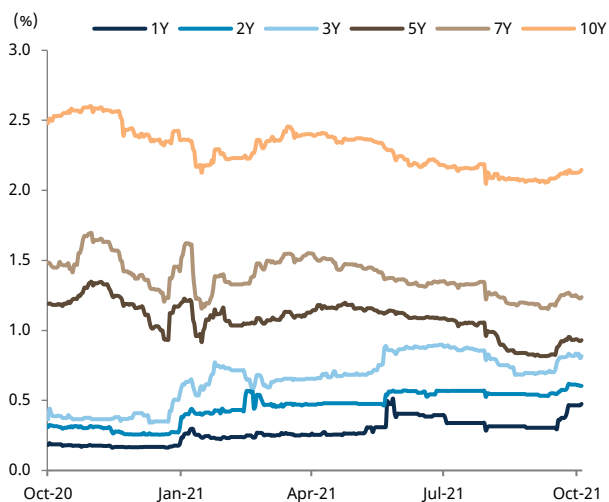
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND



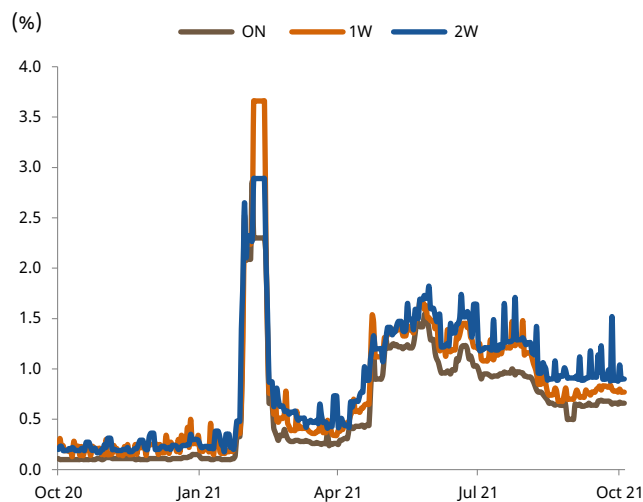
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN30 Index	VN30 Index	1,476.54	3,822,002		0.9	2.4	3.0	69.8	14.2	11.8	2.6	2.2	34.9	19.9	22.1	20.6
Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB VN	31,450	84,976	30.0	0.8	-0.2	-2.2	69.5	8.5	6.8	1.9	1.5	31.8	25.1	25.6	24.4
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển	BID VN	39,200	157,663	16.6	0.1	1.0	-1.0	-3.0	17.0	12.0	1.8	1.7	59.8	41.0	13.2	16.8
Tập đoàn Bảo Việt	BVH VN	61,200	45,430	26.6	-1.1	5.7	12.9	22.8	27.5	24.8	2.1	2.0	6.2	10.7	8.2	8.6
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	CTG VN	29,450	141,529	24.5	0.3	-1.0	-8.4	40.0	10.3	7.7	1.3	1.1	0.4	33.0	18.3	20.5
CTCP FPT	FPT VN	98,900	89,749	49.0	4.9	6.5	6.2	122.6	22.0	18.7	4.6	4.2	25.8	17.5	24.3	25.3
TCT Khí Việt Nam	GAS VN	112,400	215,128	2.5	1.3	8.6	28.0	50.7	23.6	19.4	4.3	3.9	18.1	21.8	18.4	20.9
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	GVR VN	37,650	150,600	0.6	-1.4	4.3	-3.5	184.2	37.4	34.1	2.8	2.7	6.6	9.9	9.6	10.3
Ngân hàng TMCP Phát triển TP HCM	HDB VN	24,350	48,510	17.7	1.0	-2.0	-9.0	57.7	8.9	7.7	1.6	NA	27.9	15.3	22.2	21.5
Tập đoàn Hoà Phát	HPG VN	55,700	249,142	25.7	0.2	4.3	8.6	167.6	8.1	7.7	2.6	2.0	142.6	4.0	40.0	30.4
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH VN	43,550	28,000	30.8	2.8	5.4	8.9	97.5	26.0	19.1	3.0	2.5	-10.5	35.8	12.3	14.4
Ngân hàng TMCP Quân đội	MBB VN	27,700	104,660	23.2	0.2	0.9	-2.1	113.8	8.6	7.1	1.6	1.3	46.7	21.4	22.1	22.3
Tập đoàn Masan	MSN VN	145,500	171,768	32.3	2.7	3.9	13.7	127.7	51.6	29.3	8.8	6.9	167.3	76.3	17.5	22.8
CTCP Thế giới di động	MWG VN	128,800	91,822	49.0	0.6	2.1	15.6	76.4	19.0	14.9	4.2	3.7	17.3	28.1	24.5	27.2
Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL VN	104,500	153,992	8.9	0.4	2.5	0.5	127.6	36.0	19.2	4.4	3.5	-1.0	87.2	19.4	17.4
CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDR VN	87,000	42,349	3.2	1.9	3.6	3.3	197.1	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX VN	53,900	68,485	17.6	-0.2	3.9	9.3	8.2	18.4	16.1	NA	NA	328.0	14.2	16.0	16.1
CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ VN	99,500	22,623	48.2	2.6	0.5	15.4	58.4	21.1	16.7	3.9	3.3	9.5	25.9	20.2	23.4
TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam	POW VN	12,450	29,156	2.9	-1.6	2.0	4.6	18.6	13.9	11.0	0.9	0.9	-10.1	25.8	7.1	8.5
TCT CP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	SAB VN	162,700	104,336	62.7	2.6	5.5	8.5	-13.5	22.2	18.7	4.6	4.0	2.6	18.8	23.0	24.2
CTCP Chứng Khoán Sài Gòn	SSI VN	40,850	40,146	44.4	0.4	4.2	-7.7	246.4	20.9	18.7	NA	NA	51.0	11.7	17.3	17.7
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	STB VN	25,700	48,450	15.6	0.8	4.0	-5.9	89.7	17.6	13.0	NA	NA	16.7	36.1	10.3	12.6
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB VN	50,700	178,003	22.5	1.4	3.5	3.9	137.5	10.6	8.8	2.0	1.6	36.2	20.0	20.4	20.2
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TPB VN	42,150	49,386	30.0	0.4	-1.1	16.8	109.3	9.8	8.3	1.9	1.5	26.3	18.9	22.6	20.3
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN	VCB VN	97,000	359,761	23.5	0.2	1.1	-2.7	14.4	18.3	14.3	3.1	2.5	18.8	27.6	19.7	20.1
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM VN	79,900	347,914	22.9	-0.1	3.8	-3.7	35.6	10.0	9.4	2.9	2.2	25.0	6.6	32.1	27.1
Tập đoàn Vingroup	VIC VN	89,300	339,806	13.8	0.6	1.8	-2.9	8.8	59.3	57.1	3.7	3.5	0.1	4.0	4.1	5.7
CTCP Hàng Không Vietjet	VJC VN	128,900	69,814	17.6	0.1	0.1	3.5	23.9	NA	36.1	NA	NA	-789.3	-495.1	0.4	16.2
CTCP Sữa Việt Nam	VNM VN	89,600	187,260	54.8	0.9	-0.2	4.9	-16.2	18.8	17.4	5.7	5.5	-0.2	8.0	32.7	33.9
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB VN	35,900	159,593	15.4	0.7	1.1	4.2	175.6	12.5	10.7	2.1	1.7	20.7	17.6	18.5	16.6
CTCP Vincom Retail	VRE VN	29,150	66,238	29.6	-0.5	3.4	7.6	5.4	26.3	18.3	2.2	2.1	5.7	43.9	6.8	10.4

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Bảng 2: Biến động ngành

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1W)	Vốn hóa (VND bn)	Biến động giá (%)				P/E (X)*		P/B (X)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
			1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN-Index	37.84	5,226,561	0.5	2.8	2.9	49.4	16.4	13.2	2.7	2.3	32.0	24.3	20.3	19.4
Ô tô và phụ tùng	0.09	9,422	-1.9	3.9	2.8	49.9	8.2	7.1	1.4	1.3	19.8	16.4	11.9	12.3
Ngân hàng	4.60	1,557,017	0.6	1.2	-1.3	51.4	12.4	9.7	2.0	1.6	31.4	26.5	18.5	19.0
Xây dựng cơ bản	2.53	213,619	-0.5	5.2	6.0	87.1	7.0	5.6	0.5	0.4	33.1	35.8	8.2	7.6
Dịch vụ thương mại	0.08	5,437	-0.4	5.9	4.4	39.8	7.7	6.0	NA	NA	10.8	39.0	9.3	12.3
May mặc và trang sức	0.21	47,454	1.1	1.8	11.1	113.0	14.5	11.5	2.7	2.3	21.6	26.0	15.7	17.6
Dịch vụ tiêu dùng	0.02	8,739	0.4	1.7	5.9	25.2	NA	16.0	NA	NA	NA	NA	-9.9	4.0
Dịch vụ tài chính	1.42	137,250	0.3	4.3	-4.5	269.1	5.5	6.6	0.7	0.6	87.6	-12.2	3.8	3.9
Năng lượng	0.80	91,498	-0.1	3.5	12.5	28.7	44.7	17.1	0.2	0.2	NA	83.0	13.4	13.5
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	3.86	575,559	1.7	2.7	8.0	35.1	27.1	18.0	5.4	4.6	60.7	34.6	20.8	22.7
Dịch vụ và thiết bị y tế	-0.01	1,404	-2.0	-0.9	-3.2	55.2	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Hàng cá nhân và gia dụng	-0.01	1,824	-0.2	-1.2	-0.7	-6.2	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bảo hiểm	0.70	55,711	-1.1	5.0	13.2	28.8	23.8	21.6	1.9	1.8	11.0	9.4	7.7	8.0
Nguyên vật liệu	5.17	583,466	-0.4	3.6	6.1	174.5	15.7	14.6	2.4	2.0	NA	2.1	25.5	20.4
Giải trí và truyền thông	0.01	1,351	1.7	3.2	-0.9	-24.0	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Dược phẩm	0.06	37,573	0.1	3.5	8.6	37.3	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bất động sản	9.83	1,190,489	0.4	0.6	-1.6	19.9	9.4	8.2	1.5	1.4	4.3	14.7	8.6	9.1
Bán lẻ	0.52	102,071	0.3	3.3	-0.6	53.9	31.5	23.7	2.8	6.6	9.0	48.0	14.7	13.8
Phần mềm và dịch vụ	1.56	97,378	0.6	2.0	15.2	73.7	18.7	14.3	3.9	3.4	31.1	28.9	22.5	25.1
Thiết bị và phần cứng	-0.09	10,246	4.5	6.5	7.4	122.9	20.2	17.2	4.3	3.8	29.5	17.6	22.4	23.3
Dịch vụ viễn thông	0.02	2,316	-0.9	-3.3	24.6	322.2	23.2	18.0	6.6	5.1	61.1	29.0	30.9	26.2
Vận tải	1.45	202,568	-0.3	4.0	38.5	490.6	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tiện ích	5.31	309,523	0.7	2.7	6.3	66.6	4.4	16.7	26.4	0.5	20.1	NA	-78.2	46.8

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Bảng 3: Các cổ phiếu tác động VN-Index

Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1W)	Khối lượng	Điểm tác động
GAS VN	112,400	8.6	2,528,700	4.5
VHM VN	79,900	3.8	3,837,620	3.3
HPG VN	55,700	4.3	29,432,200	2.7
MSN VN	145,500	3.9	638,480	1.7
GVR VN	37,650	4.3	3,376,060	1.6
VIC VN	89,300	1.8	1,852,400	1.6
TCB VN	50,700	3.5	7,406,020	1.6
SAB VN	162,700	5.5	86,700	1.4
FPT VN	98,900	6.5	3,008,900	1.4
VCB VN	97,000	1.1	814,500	1.1

Nguồn: Bloomberg

Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1W)	Khối lượng	Điểm tác động
CTG VN	29,450	-1.0	10,060,340	-0.4
DGC VN	150,600	-5.2	739,960	-0.4
HDB VN	24,350	-2.0	1,440,520	-0.3
EIB VN	22,400	-2.0	382,220	-0.1
HCM VN	48,700	-3.6	5,703,920	-0.1
TPB VN	42,150	-1.1	7,747,960	-0.1
TCH VN	17,050	-4.7	8,860,880	-0.1
VNM VN	89,600	-0.2	2,685,420	-0.1
TGG VN	32,950	-30.3	315,140	-0.1
CRE VN	29,000	-6.1	1,004,560	-0.1

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) LLC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.

Mirae Asset Securities International Network

Mirae Asset Securities Co., Ltd. (Seoul)

One-Asia Equity Sales Team
Mirae Asset Center 1 Building
26 Eulji-ro 5-gil, Jung-gu, Seoul 04539
Korea

Tel: 82-2-3774-2124

Mirae Asset Securities (USA) Inc.

810 Seventh Avenue, 37th Floor
New York, NY 10019
USA

Tel: 1-212-407-1000

PT. Mirae Asset Sekuritas Indonesia

Equity Tower Building Lt. 50
Sudirman Central Business District
Jl. Jend. Sudirman, Kav. 52-53
Jakarta Selatan 12190
Indonesia

Tel: 62-21-515-3281

Mirae Asset Securities Mongolia UTsK LLC

#406, Blue Sky Tower, Peace Avenue 17
1 Khoroo, Sukhbaatar District
Ulaanbaatar 14240
Mongolia

Tel: 976-7011-0806

Shanghai Representative Office

38T31, 38F, Shanghai World Financial Center
100 Century Avenue, Pudong New Area
Shanghai 200120
China

Tel: 86-21-5013-6392

Mirae Asset Securities (HK) Ltd.

Units 8501, 8507-8508, 85/F
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon
Hong Kong

Tel: 852-2845-6332

Mirae Asset Wealth Management (USA) Inc.

555 S. Flower Street, Suite 4410,
Los Angeles, California 90071
USA

Tel: 1-213-262-3807

Mirae Asset Securities (Singapore) Pte. Ltd.

6 Battery Road, #11-01
Singapore 049909
Republic of Singapore

Tel: 65-6671-9845

Mirae Asset Investment Advisory (Beijing) Co., Ltd

2401B, 24th Floor, East Tower, Twin Towers
B12 Jianguomenwai Avenue, Chaoyang District
Beijing 100022
China

Tel: 86-10-6567-9699

Ho Chi Minh Representative Office

7F, Saigon Royal Building
91 Pasteur St.
District 1, Ben Nghe Ward, Ho Chi Minh City
Vietnam

Tel: 84-8-3910-7715

Mirae Asset Securities (UK) Ltd.

41st Floor, Tower 42
25 Old Broad Street,
London EC2N 1HQ
United Kingdom

Tel: 44-20-7982-8000

Mirae Asset Wealth Management (Brazil) CCTVM

Rua Funchal, 418, 18th Floor, E-Tower Building
Vila Olimpia
Sao Paulo - SP
04551-060
Brazil

Tel: 55-11-2789-2100

Mirae Asset Securities (Vietnam) LLC

7F, Saigon Royal Building
91 Pasteur St.
District 1, Ben Nghe Ward, Ho Chi Minh City
Vietnam

Tel: 84-8-3911-0633 (ext.110)

Beijing Representative Office

2401A, 24th Floor, East Tower, Twin Towers
B12 Jianguomenwai Avenue, Chaoyang District
Beijing 100022
China

Tel: 86-10-6567-9699 (ext. 3300)

Mirae Asset Capital Markets (India) Private Limited

Unit No. 506, 5th Floor, Windsor Bldg., Off CST
Road, Kalina, Santacruz (East), Mumbai - 400098
India

Tel: 91-22-62661336